

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2019/KDTM-ST

Ngày: 15 - 02 - 2019

V/v tranh chấp “Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ
thanh toán”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thanh Anh**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Huỳnh Tiến**

2. Ông **Phạm Xoa**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Phan Đình Vui**, Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Ngày 15 tháng 02 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 73/2018/TLST-KDTM ngày 03 tháng 10 năm 2018 về “Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2018/QĐXXST - KDTM ngày 03 tháng 12 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số: 42/2018/QĐST - KDTM ngày 28 tháng 12 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2019/QĐST - KDTM ngày 17 tháng 01 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Công ty TNHH S. C Việt Nam**

Trụ sở: Số 16/8A Khu phố T, phường Tân Đ, thị xã D, tỉnh Bình Dương

Người đại diện theo ủy quyền: Bà **Đoàn Thị Thùy Trang**. Cùng địa chỉ: Số 05 Nguyễn K, phường Hòa Cường B, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng (theo Giấy ủy quyền ngày 29 tháng 10 năm 2018 của ông Ngô Trọng Q – Chức vụ: Giám đốc Công ty TNHH S. C Việt Nam). (Có mặt).

- Bị đơn: **Công ty Cổ phần X**. Trụ sở: Số 16 Lý T, phường Thạch T, quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng.

Người đại diện theo pháp luật: ông Ngô Trương Q – Chức vụ: Giám đốc Công ty. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, theo lời trình bày của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nội dung vụ án như sau:

Ngày 12/10/2016, Công ty TNHH S. C Việt Nam (sau đây viết tắt là Công ty S) và Công ty Cổ phần X (Sau đây viết tắt là Công ty X) ký kết Hợp đồng mua bán số 1916-SC/XV. Nội dung: Công ty S bán cho Công ty X số lượng lớn hàng hóa gồm ghế sofa và bàn coffee để cung cấp cho dự án F-Home tại số 16 Lý Thường K, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Tổng giá trị Hợp đồng là 7.787.340.186 đồng (đã bao gồm thuế VAT); Hình thức thanh toán: chuyển khoản; Phương thức theo toán: theo từng đợt được thỏa thuận giữa hai bên. Ngày 16/10/2018, Hai bên tiếp tục ký Phụ lục hợp đồng số 02 quy định về chi phí vận chuyển là 272.250.000 đồng. Tổng giá trị Hợp đồng là 8.059.590.186 đồng.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, Công ty S đã cung cấp đầy đủ hàng hóa cho Công ty X. Hai bên đã ký biên bản nghiệm thu đầy đủ theo quy định. Công ty X đã thanh toán cho Công ty S được 5.429.623.037đ, còn lại số tiền 2.629.967.148 đồng Công ty Cổ phần X không thanh toán cho Công ty S, Công ty X đã ký xác nhận số nợ trên tại văn bản xác nhận nợ ngày 09/01/2018. Nhưng sau nhiều lần Công ty S gửi các văn bản yêu cầu Công ty X thanh toán số nợ trên nhưng Công ty X vẫn không thanh toán. Công ty S khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty X thanh toán nợ gốc là: 2.629.967.148 đồng, lãi suất do chậm thanh toán là: 187.385.160 đồng, tổng cộng: 2.817.352.308 đồng

Sau khi khởi kiện tại Toà án, vào ngày 10/11/2018, Công ty X đã thanh toán tiền hàng cho Công ty S được 700.000.000 đồng, như vậy số tiền còn nợ lại là 1.929.967.148 đồng.

Tại phiên tòa hôm nay, Công ty S rút một phần yêu cầu khởi kiện về tiền gốc và tiền lãi, yêu cầu Tòa án buộc Công ty X phải thanh toán các khoản sau: Tiền nợ mua hàng (nợ gốc) là: 1.929.967.148 đồng (*Một tỷ chín trăm hai mươi chín triệu chín trăm sáu mươi bảy ngàn một trăm bốn mươi tám đồng*), lãi suất chậm thanh toán tính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/9/2018 là: $2.629.967.148đ \times 0,75\%/tháng \times 9\text{ tháng} = 177.522.782\text{ đồng}$ (*Một trăm bảy mươi bảy triệu năm trăm hai mươi hai ngàn bảy trăm tám mươi hai đồng*), (lãi suất: 9%/năm). Tổng số tiền Công ty Cổ phần X phải thanh toán cho Công ty TNHH S. C Việt Nam là: 2.107.489.930 đồng (*Hai tỷ một trăm lẻ bảy triệu bốn trăm tám mươi chín ngàn chín trăm ba mươi đồng*).

*** Người đại diện theo pháp luật của bị đơn, ông Ngô Trương Quang H trình bày tại Công văn số 27/2018/CV-XV ngày 17/10/2018 và tại Biên bản hòa giải ngày 30/10/2018:**

Công ty Cổ phần X thừa nhận có ký Hợp đồng mua bán số 1916-SC/XV ngày 12/10/2016 với Công ty TNHH S. C Việt Nam về việc Công ty TNHH S. C Việt Nam bán cho Công ty X hàng hóa gồm ghế sofa và bàn coffee để cung cấp cho dự án F-Home tại số 16 Lý Thường K, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng như phần trình bày của nguyên đơn là đúng.

Công ty Cổ phần Xuân Việt thừa nhận đến nay (ngày 30/10/2018) vẫn còn nợ Công ty TNHH S. C. Việt Nam số tiền mua hàng 2.629.967.148đ.

Công ty X đề nghị Công ty TNHH S. C Việt Nam được thanh toán số tiền trên làm 02 đợt và không tính lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tại Điều 7 của Hợp đồng mua bán, Số: 1916-SC/XV ngày 12/10/2016 giữa Công ty Cổ phần X và Công ty TNHH S, C Việt Nam thỏa thuận: tranh chấp sẽ được giải quyết bởi Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Do đó, Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng thụ lý, giải quyết vụ án là đúng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự

[2] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân quận Hải Châu đã gửi Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa đúng theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nhưng tại phiên tòa hôm nay, người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần X vẫn không có mặt tại Tòa án nhân dân quận Hải Châu để tham gia tố tụng tại phiên tòa theo quy định của pháp luật. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX xét xử vắng mặt Công ty Cổ phần X.

[3] Về nội dung vụ án: Giữa Công ty Cổ phần X và Công ty TNHH S. C Việt Nam có ký Hợp đồng mua bán Số: 1916-SC/XV ngày 12/10/2016. Nội dung hợp đồng là Công ty TNHH S. C Việt Nam cung cấp hàng hóa gồm ghế sofa và bàn coffee tại dự án F-Home tại số 16 Lý Thường K, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng cho Công ty Cổ phần X. Về số lượng, chất lượng, phương thức giao nhận, giá cả, phương thức thanh toán, thời hạn thanh toán, quyền và nghĩa vụ các bên được hai bên thống nhất theo hợp đồng. Tuy nhiên, sau khi thực hiện hợp đồng, Công ty Cổ phần X còn nợ lại Công ty TNHH S. C Việt Nam số tiền 2.629.967.148 đồng nhưng không thanh toán mặc dù Công ty TNHH S. C Việt Nam có văn bản yêu cầu Công ty Cổ phần X thanh toán.

Sau khi Công ty TNHH S. C Việt Nam khởi kiện tại Tòa án, ngày 10/11/2018, Công ty Cổ phần X thanh toán cho Công ty TNHH S. C Việt Nam số tiền 700.000.000đồng.

Tại phiên tòa hôm nay, Công ty TNHH S. C Việt Nam rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với Công ty Cổ phần X về tiền nợ gốc và lãi, cụ thể:

- Tiền nợ mua bán hàng hóa: 1.929.967.148 đồng

- Tiền lãi do chậm thanh toán: 177.522.782 đồng

Tổng số tiền Công ty Cổ phần X phải thanh toán cho Công ty TNHH S. C Việt Nam là: 2.107.489.930 đồng (*Hai tỷ một trăm lẻ bảy triệu bốn trăm tám mươi chín ngàn chín trăm ba mươi đồng*).

Xét yêu cầu của Công ty TNHH S. C. Việt Nam, HĐXX thấy:

- Đối với số tiền mua bán hàng hóa còn nợ: Sau khi thực hiện hợp đồng, vào ngày 09/01/2018, hai bên đã ký văn bản xác nhận nợ tính đến ngày 31/12/2017 là 2.629.967.148 đồng (số nợ này chưa bao gồm lãi do chậm thanh toán) và tại Biên bản hòa giải ngày 30/10/2018, ông Ngô Trương Quang H – Giám đốc Công ty Cổ Phần X cũng thừa nhận số nợ gốc là 2.629.967.148 đồng, nhưng do điều kiện kinh tế Công ty gặp khó khăn nên đề nghị được thanh toán số nợ gốc làm 2 lần là vào ngày 05/11/2018 và ngày 17/11/2018 và đề nghị Công ty TNHH S. C. Việt Nam không tính lãi. Công ty TNHH S. C Việt Nam cũng đã tạo điều kiện cho Công ty Cổ phần X thanh toán theo đợt nhưng đến ngày 10/11/2018 Công ty Cổ phần X chỉ thanh toán cho Công ty TNHH S. C Việt Nam 700.000.000 đồng. Vì vậy cần buộc Công ty Cổ phần X trả cho Công ty TNHH S. C Việt Nam số tiền nợ gốc 1.929.967.148 đồng là có căn cứ và phù hợp với Điều 50 của Luật thương mại.

- Đối với yêu cầu tính lãi của Công ty TNHH S. C Việt Nam: Tại khoản 6.1 Điều 6 của Hợp đồng mua bán, 02 bên thỏa thuận: “Trong trường hợp bên A chậm thanh toán thì ...bên A phải chịu phạt chậm thanh toán theo lãi suất vay ngân hàng tại thời điểm thanh toán trên tổng số tiền thanh toán trễ hạn”. Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của Công ty TNHH S. C Việt Nam tự nguyện yêu cầu tính lãi do chậm thanh toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/9/2018 là 177.522.782 đồng, lãi suất tính theo lãi suất cơ bản của ngân hàng Nhà nước là 9%/năm. Như vậy, yêu cầu của Công ty TNHH S. C Việt Nam về thời gian tính lãi và mức lãi suất chậm thanh toán là có căn cứ và phù hợp nên HĐXX chấp nhận.

Như vậy, Công ty Cổ phần X phải trả cho Công ty TNHH S. C Việt Nam tổng số tiền là 2.107.489.930 đồng (*Hai tỷ một trăm lẻ bảy triệu bốn trăm tám mươi chín ngàn chín trăm ba mươi đồng*).

[4] Án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm Công ty Cổ phần X phải chịu theo quy định của pháp luật là:

$$2.107.489.930 \text{ đồng} = 72.000.000\text{đ} + (2\% \times 107.489.930 \text{ đồng}) = 74.179.798 \text{ đồng}.$$

Công ty TNHH S. C Việt Nam không phải chịu án phí. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm cho Công ty TNHH S. C Việt Nam đã

nộp là: 44.173.523 đồng theo biên lai thu số 6563 ngày 03/10/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điểm b khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự
- Điều 50 và Điều 306 Luật thương mại.
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán" của Công ty TNHH S. C Việt Nam đối với Công ty Cổ phần X.

Xử:

1. Buộc Công ty Cổ phần X trả cho Công ty TNHH S. C Việt Nam số tiền 2.107.489.930 đồng (*Hai tỷ một trăm lẻ bảy triệu bốn trăm tám mươi chín ngàn chín trăm ba mươi đồng*), (trong đó: nợ mua hàng: 1.929.967.148 đồng, nợ lãi: 177.522.782 đồng)

2. Án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm: Công ty Cổ phần X phải chịu là: 74.179.798 đồng (*Bảy bốn triệu một trăm bảy chín ngàn bảy trăm chín tám đồng*).

Kể từ khi quyết định có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành không thực hiện nghĩa vụ thì phải chịu lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ Luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

3. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm cho Công ty TNHH S. C Việt Nam đã nộp là: 44.173.523 đồng theo biên lai thu số 6563 ngày 03/10/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

4. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết bản án tại địa phương.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND quận Hải Châu;
- CCTHADS quận Hải Châu;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(đã ký, đóng dấu)

Phạm Thanh Anh

